

NGÔI LỜI

Chương đầu tiên của Phúc âm Thứ tư là một trong những cuộc phiêu lưu vĩ đại nhất của tư tưởng tôn giáo đã đạt được từ trước đến giờ bởi trí óc con người.

Không bao lâu trước khi giáo hội Kitô đối diện với vấn nạn căn bản nhất. Nó bắt đầu với Dothái giáo (Judaism). Từ khởi đầu tất cả thành viên của giáo hội là người Dothái. Bởi theo dòng dõi nhân loại thì Chúa Giêsu là một người Dothái, với tất cả ý định và mục đích, ngoại trừ lần thăm viếng ngắn ngủi tại miền Tyre và Sidon, và tới Decapolis, Ngài không bao giờ ra khỏi Palestine. Kitô giáo bắt đầu ở giữa người Dothái; và do đó không thể tránh được việc nó nói với ngôn ngữ Dothái và dùng các phạm trù suy tư của người Dothái.

Nhưng mặc dù nó được nằm trong chiếc nôi Dothái không bao lâu sau nó đã bước ra thế giới rộng lớn hơn. Trong vòng ba mươi năm sau khi Chúa Giêsu chịu tử nạn nó đã du hành ra toàn thể vùng Tiểu Á và Hy Lạp và đến tới Roma. Vào năm 60 sau C.N tính ra cứ một người Kitô hữu Dothái thì có một trăm ngàn người Hy Lạp trong giáo hội. Ý tưởng của người Dothái thì hoàn toàn xa lạ đối với người Hy Lạp. Lấy thí dụ rõ ràng nhất là người Hy Lạp không bao giờ nghe nói đến Đấng Messiah. Sự kỳ vọng trung tâm điểm của người Dothái, sự xuất hiện của Đấng Messiah, là một ý tưởng thật lạ lẫm đối với người Hy Lạp. Phạm trù chính yếu trong đó Kitô hữu Dothái đón nhận và trình bày Chúa Giêsu chẳng có ý nghĩa gì đối với họ. Ở đây như thế nổi lên một vấn nạn – làm thế nào để Kitô giáo được trình bày cho thế giới Hy Lạp?

Sứ gia Lecky đã nói rằng sự tiến triển và truyền bá bất cứ ý tưởng nào không những là tùy thuộc vào ở cường độ và sức bền của nó mà còn tùy thuộc vào khuynh hướng tiếp nhận của thời đại mà nó được truyền tới. Công việc của giáo hội Kitô thời điểm đó là sáng tạo ra trong thế giới Hy Lạp một xu hướng để tiếp nhận sứ điệp Kitô giáo. Nhưng vấn đề là ở chỗ làm cách nào trình bày Kitô giáo theo một cách thế mà người Hy Lạp có thể hiểu được.

Vào khoảng năm 100 sau C.N tại Êphêso có một người say mê với vấn nạn này. Tên của ông là Gioan. Ông sống trong một thành phố Hy Lạp. Ông tiếp xúc với những người Hy Lạp mà đối với họ tư tưởng Dothái thì lạ lùng, khó hiểu, và ngay cả có vẻ kỳ quái. Làm thế nào ông có thể trình bày Kitô giáo cho những người này trong một cách thế mà họ có thể đón nhận và hiểu được? Thành linh một giải pháp loé lên trong đầu ông. Trong cả tư tưởng Hy Lạp và Dothái có sự hiện hữu của ý niệm Lời. Đây là cái có thể giải quyết vấn đề làm cho cả người Hy Lạp và Dothái có thể hiểu sứ điệp muốn truyền dạy. Đây là gia tài tư tưởng thuộc về cả hai dân tộc nên cả hai sắc dân đều có thể hiểu.

Chúng ta hãy bắt đầu tìm hiểu hai bối cảnh của ý niệm Lời (the word).

BỐI CẢNH DO THÁI

Trong bối cảnh Dothái có bốn mạch dẫn đóng góp chút ít vào ý tưởng về Lời.

1. Đối với người Dothái một lời thì không chỉ là một âm thanh; nó là một cái gì đó hiện hữu độc lập và nó thực sự làm nên chuyện. Như Giáo sư John Peterson chỉ ra *“Lời nói đối với người Dothái thì sống động đáng sợ.....Nó là một đơn vị năng lượng được phán ra với quyền lực. Nó bay giống như viên đạn bay đến mục tiêu”*. Vì lý do đó người Dothái có rất ít lời. Ngôn ngữ do thái có ít hơn 10,000 tiếng; ngôn ngữ Hy Lạp có 200,000.

2. Trong Cựu Ước có đầy dẫy ý tưởng chung về quyền lực của lời. Khi Isaac bị lừa để ban lời chúc phúc cho Giacóp thay vì Esau, ông không thể làm cách gì để thu hồi lời chúc phúc ấy lại được nữa (Stk 27). Lời được phát ra và bắt đầu hành động và không có gì có thể dừng nó lại được. Đặc biệt chúng ta thấy lời của Thiên Chúa hành động trong câu chuyện Sáng Thế. Mỗi giai đoạn chúng ta đọc thấy: *“Thiên Chúa phán...”* (Stk 1:3,6,11). Lời Chúa là quyền lực sáng tạo. Chúng ta thấy đi thấy lại ý tưởng này về lời sáng tạo, hoạt động, và năng động của Thiên Chúa. *“Một lời Chúa phán, làm ra chín tầng trời (Tv 33:6)”*. *“Sai lời Người đến chữa cho lành mạnh”* (Tv 107:20). *“Người tống đạt lệnh truyền xuống đất, lời phán ra hỏa tốc chạy đi”* (Tv 147:15)...Chúng ta có thể tìm thấy nhiều thí dụ khác trong các sách ngôn sứ hay sách khôn ngoan. Tất cả mọi nơi trong Cựu Ước đều có ý tưởng của lời quyền năng và sáng tạo này. Ngay cả lời của con người mà có hành động năng động thì lời của Thiên Chúa còn có quyền năng lớn lao đến thế nào?

3. Có một biến cố nhập vào đời sống tôn giáo Dothái mà nó tạo nên ảnh hưởng lớn lao cho sự phát triển ý tưởng này về lời của Chúa. Vào khoảng mấy trăm năm hoặc hơn nữa trước khi Chúa Giêsu sinh ra Hebrew (cổ ngữ Dothái) là một ngôn ngữ bị lãng quên. Cựu Ước được viết bằng tiếng Hebrew nhưng người Dothái không còn biết ngôn ngữ này nữa. Các học giả biết nó, nhưng giới bình dân thì không. Họ nói một ngôn ngữ

phát triển từ Hebrew gọi là Aramaic. Bởi thế thánh kinh Cựu Ước phải được dịch ra ngôn ngữ này để dân chúng có thể hiểu được, và những bản dịch này gọi là Targums. Trong hội đường, thánh kinh được đọc bằng bản gốc tiếng Hebrew, rồi chúng được dịch qua tiếng Aramaic và Targums được dùng như bản dịch.

Vào lúc Targums được phát minh ra người ta kinh ngạc bởi sự siêu việt của Thiên Chúa và không thể nghĩ bất cứ điều gì về Thiên Chúa ngoại trừ sự khác biệt và xa cách của Ngài. Vì thế những người sáng chế ra tiếng Targums rất sợ dùng cho Thiên Chúa những suy nghĩ, cảm xúc và hành vi của con người. Để đặt nó trong ngôn ngữ kỹ thuật họ nỗ lực hết sức để tránh nhân cách hóa khi nói về Ngài. Khổ nỗi Cựu Ước thường xuyên nói về Thiên Chúa trong cách nói của con người, và bất cứ lúc nào gặp trường hợp như thế thì tiếng Targums dùng chữ *lời của Chúa* thay thế cho tên của Chúa. Chúng ta thử lấy một thí dụ để xem thói quen này áp dụng ra sao. Trong Xuất Hành 19:17 chúng ta đọc thấy “Mô-sê mang dân chúng ra khỏi lều trại để gặp Chúa”. Người dùng Targums nghĩ rằng nói như thế thì có vẻ quá con người khi nói về Chúa, nên họ chuyển ra là “Mô-sê mang dân chúng ra khỏi lều trại để gặp *lời của Chúa*”. Chúng ta sẽ thấy đây là cách dùng phổ biến trong tất cả các sách Cựu Ước bằng tiếng Targum.

Chính vì thế mà câu *lời của Chúa* trở thành là một trong những hình thức diễn tả phổ thông nhất của người Dothái. Đây là câu nói bất cứ người Dothái sùng đạo nào cũng nhận ra bởi vì ông ta nghe nói tới quá thường xuyên trong hội đường khi kinh thánh được đọc lên. Mỗi người Dothái đều quen dùng câu nói *lời của Chúa* mỗi ngày.

BỐI CẢNH HY LẠP

Chúng ta đã mở đầu rằng vấn nạn của Gioan không phải là trình bày Kitô giáo cho thế giới Dothái, nhưng là trình bày nó cho thế giới Hy Lạp. Làm thế nào để ý tưởng của lời thích hợp với tư tưởng của người Hy Lạp? Nhưng may mắn là nó đã sẵn sàng ở đó chờ đợi để được dùng tới. Trong tư tưởng Hy Lạp ý tưởng về **lời** bắt đầu từ trước đó khá xa khoảng năm 560 trước CN, và thật lạ lùng là nó xuất phát tại Êphê-sô nơi Phúc Âm Thứ tư được viết ra.

Vào năm 560 trước CN, có một triết gia người Êphê-sô tên là Heraclitus người mà tư tưởng căn bản là *mọi vật đều ở trong trạng thái thay đổi liên tục*. Mọi sự thay đổi từng ngày và từng lúc. Ông có một thí dụ nổi tiếng để diễn tả cho tư tưởng của ông là “Không ai tắm hai lần trong cùng một dòng sông”. Ý ông muốn nói là khi chúng ta bước xuống dòng sông rồi bước lên và sau đó bước xuống dòng sông đó nữa thì dòng sông đó sẽ không còn là dòng sông cũ nữa vì nước của dòng sông đó đã chảy đi và dòng nước mới đã thay vào dòng sông đó rồi có nghĩa là nó là một dòng sông hoàn toàn mới. Đối với Heraclitus mọi sự đều như thế, mọi sự luôn trong trạng thái liên tục thay đổi. Nhưng nếu như vậy thì tại sao sự sống lại không bị rối loạn hoàn toàn? Làm thế nào có bất cứ ý nghĩa gì trong một thế giới nơi mà có sự chuyển biến và thay đổi liên tục?

Câu trả lời theo Heraclitus là tất cả sự thay đổi và lưu chuyển này không bừa bãi vô trật tự; nó được kiểm soát và sắp đặt, theo một hình mẫu liên tục (pattern) trong mọi lúc; và cái kiểm soát hình mẫu đó gọi là Logos, lời, lý trí của Thiên Chúa (the reason of God). Đối với Heraclitus, Logos là nguyên lý của trật tự nhờ nó mà hoàn vũ tiếp tục hiện hữu. Heraclitus đi xa hơn khi cho rằng không chỉ có hình mẫu trong thế giới vật chất mà còn có hình mẫu trong thế giới của các biến cố. Không có một cái gì chuyển dịch với đôi chân vô mục đích; trong tất cả sự sống và trong tất cả các biến cố của đời sống luôn có một mục đích, một chương trình, và một bản thiết kế. Và cái gì điều khiển các biến cố? Lần nữa câu trả lời là Logos.

Heraclitus mang suy luận của ông đến gần hơn ngay cả với vấn đề nhân sinh. Cái gì trong chúng ta nói cho mỗi cá nhân biết sự khác biệt giữa đúng và sai? Cái gì làm chúng ta có thể suy nghĩ và lý luận? Cái gì giúp chúng ta chọn lựa điều đúng và nhận ra chân lý khi chúng ta nhìn thấy nó? Lần nữa Heraclitus cho cùng một câu trả lời. Cái cho một người lý trí và hiểu biết về chân lý và khả năng để phán đoán giữa đúng và sai là chính Logos của Thiên Chúa cư ngụ trong người ấy. Heraclitus cho rằng trong thế giới của thiên nhiên và các biến cố “tất cả mọi sự xảy ra theo như Logos” và trong mỗi một cá nhân “Logos là sự phán đoán của chân lý”. Logos không là cái gì khác hơn là lý trí của Thiên Chúa điều khiển thế giới và mọi người trong đó.

Từ khi người Hy Lạp khám phá ra ý tưởng này họ sẽ không bao giờ từ bỏ nó nữa. Nó mê hoặc họ, đặc biệt các người theo phái khắc kỷ (Stoics). Các nhà khắc kỷ luôn luôn kinh ngạc trước trật tự của thế giới. Trật tự luôn đòi buộc phải có một bộ óc điều khiển. Họ tự hỏi “Cái gì giữ cho các vì sao ở vị trí của chúng? Cái gì làm thủy triều lên xuống? Cái gì làm ngày và đêm đến luân chuyển trong vòng trật tự? Cái gì mang các mùa xoay vòng vào đúng thời điểm? Và họ trả lời: “Tất cả mọi sự được điều khiển bởi Logos của Thiên Chúa. Logos là quyền lực đặt ý thức vào trong thế giới, quyền lực làm cho thế giới thành trật tự thay vì hỗn độn, quyền lực đưa

thế giới tiếp tục phát triển và giữ nó phát triển trong trật tự hoàn hảo”. Họ nói rằng “Logos lan ra tất cả mọi vật”.

Có một danh nhân khác trong thế giới Hy Lạp mà chúng ta cần phải để ý tới. Trong thành Alexandria có một người Do Thái tên là Philo người dành cả cuộc đời mình để học hỏi về sự khôn ngoan của hai thế giới, Do Thái và Hy Lạp. Không một ai biết rành về kinh thánh Do Thái như ông; và không một người Do Thái nào biết về sự vĩ đại của tư tưởng Hy Lạp như ông. Ông cũng biết và dùng và yêu thích tư tưởng này về Logos, lời, lý trí của Thiên Chúa. Ông cho rằng Logos là sự vật xưa nhất trong thế giới và là dụng cụ qua đó Thiên Chúa dùng để tạo dựng nên thế giới. Logos là tư tưởng của Thiên Chúa đóng dấu trên vũ trụ; ông nói về Logos là cái Thiên Chúa dùng để làm nên thế giới và mọi vật; ông nói rằng Thiên Chúa là phi công của vũ trụ cầm Logos như cầm một bánh lái để lái tất cả mọi vật. Ông nói rằng trí óc của con người cũng được đóng dấu với Logos, chính Logos cho con người lý trí, quyền lực để suy nghĩ và quyền lực để hiểu biết. Logos là trung gian giữa thế giới và Thiên Chúa và Logos là vị tư tế đặt linh hồn trước tòa Thiên Chúa.

Tư tưởng Hy Lạp hiểu biết tất cả về Lời; nó nhìn trong Lời quyền năng sáng tạo, hướng dẫn và chỉ huy của Thiên Chúa, là quyền năng tạo dựng vũ trụ và giữ cho nó tiếp tục hoạt động. Vì vậy Gioan đến với người Hy Lạp và nói: “Qua bao nhiêu thế kỷ các bạn đã suy nghĩ, viết lách, và mơ ước về Logos (Lời), quyền năng tạo nên thế giới, quyền năng giữ gìn trật tự của thế giới, quyền năng nhờ đó mà con người suy luận và hiểu biết, quyền năng mà con người dùng để liên hệ với Thiên Chúa. Chúa Giêsu là Lời đó đã xuống trái đất”. Gioan nói “Ngôi lời đã hóa thành nhục thể”. Chúng ta có thể đặt nó cách khác – “Lý trí của Thiên Chúa đã trở nên một người phạm”.

CÁ DO THÁI VÀ HY LẠP

Dần dà người Do Thái và người Hy Lạp đã suy nghĩ theo khái niệm về Ngôi Lời, Lý trí của Thiên Chúa cái tạo nên thế giới và làm nên ý nghĩa cho nó. Vì vậy Gioan đi tới những người Do Thái và những người Hy Lạp để nói với họ rằng trong Đức Giêsu Kitô ý chí sáng tạo, rọi sáng, điều khiển, giữ gìn này của Thiên Chúa đã đến thế gian. Ông nói với họ rằng con người không còn cần phải phỏng đoán và dò dẫm nữa; tất cả việc mà họ phải làm là nhìn vào Đức Giêsu và thấy Lý trí của Thiên Chúa.